|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **UBND TỈNH VĨNH LONG** | | **Biểu số 46/CK-NSNN** |
|  |  |  |
| **CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019** | | |
| *(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)* | | |
|  |  |  |
| *Đơn vị: Triệu đồng* | | |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **DỰ TOÁN** |
| **A** | **TỔNG NGUỒN THU NSĐP** | **8,449,897** |
| **I** | **Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp** | **4,821,510** |
| 1 | Thu NSĐP hưởng 100% | 2,138,410 |
| 2 | Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia | 2,683,100 |
| **II** | **Thu bổ sung từ NSTW** | **2,931,623** |
| - | Thu bổ sung cân đối | 1,310,965 |
| - | Thu bổ sung có mục tiêu | 1,086,401 |
| **III** | **Thu từ quỹ dự trữ tài chính** | **0** |
| **IV** | **Thu kết dư** | **270,000** |
| **V** | **Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang** | **113,000** |
| **B** | **TỔNG CHI NSĐP** | **8,449,897** |
| **I** | **Tổng chi cân đối NSĐP** | **8,259,380** |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 3,138,100 |
| 2 | Chi thường xuyên | 4,985,199 |
| 3 | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay | 4,500 |
| 4 | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 1,000 |
| 5 | Dự phòng ngân sách | 130,581 |
| 6 | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương |  |
| **II** | **Chi các chương trình mục tiêu** | 131,977 |
| 1 | Chi các chương trình mục tiêu quốc gia | 131,977 |
| 2 | Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ |  |
| **C** | **BỘI CHI NSĐP/ BỘI THU NSĐP** |  |
| **D** | **CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP** | **58,540** |
| 1 | Từ nguồn vay để trả nợ gốc |  |
| 2 | Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh | 58,540 |
| **Đ** | **TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP** |  |
| 1 | Vay để bù đắp bội chi |  |
| 2 | Vay để trả nợ gốc |  |